

Bản án số: 74/2017/ HSST

Ngày: 27/9/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ - TỈNH QUẢNG NINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hải.
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Giàu và bà Nguyễn Thị Xuân.
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa ông Nguyễn Xuân Kiều. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại Phòng xử án - Toà án nhân dân thành phố Uông Bí xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 65/2017/HSST, ngày 19 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Đặng Văn Q (tên gọi khác: không). Sinh ngày 02/7/1995 tại thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh. Nơi ĐKKHKT: khu Bãi, phường Quảng Yên, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh. Chỗ ở hiện nay: thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hoá: 12/12. Con ông Đặng Văn H và bà Đặng Thị N. Cùng trú tại phường Quảng Yên, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh. Vợ, con: chưa có. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt ngày 30/4/2017, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

* Người bào chữa cho bị cáo Đặng Văn Q: Bà Bùi Thanh V - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

*Người bị hại: Cháu Vũ M. Sinh ngày 17/7/2002.

Địa chỉ: phường P, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

Đại diện hợp pháp của cháu Vũ M: Anh Vũ Đắc T, sinh năm 1975 và chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ tại thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

Anh T vắng mặt, chị M có mặt.

Đại diện theo ủy quyền của anh T, chị M: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1950 và anh Vũ Đắc T, sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: Khu 7, phường Nam Hòa, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

Bà L, ông T có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Vũ Đắc T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: phường N, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

- Bà Lê Thị Ánh H, sinh năm 1969.

Địa chỉ: thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NHẬN THẤY

Bị cáo Đặng Văn Q bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 24 giờ ngày 29/4/2017, tại phòng 401 nhà nghỉ “K” thuộc phường T, thành phố Uông Bí, Đặng Văn Q đã giao cầu với cháu Vũ M sinh ngày 17/7/2002 (14 tuổi 9 tháng) thì bị Công an thành phố Uông Bí kiểm tra bắt giữ.

Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Uông Bí đã giám định thương tích của cháu Vũ M, thu mẫu dịch trong âm đạo của cháu N và mẫu tóc của Đặng Văn Q gửi giám định.

Tại bản giám định pháp y về tình dục số 44/2017 ngày 02/5/2017 của Trung tâm giám định pháp y - Sở y tế Quảng Ninh, kết luận đối với cháu Vũ M như sau: không có tổn thương tại âm hộ âm đạo; Màng trinh rách cũ điểm 06 giờ, 9 giờ và 13 giờ; Xét nghiệm máu âm tính; Dịch âm đạo có tinh trùng.

Tại bản giám định số 2361/C54(TT3) ngày 30/6/2017 của Viện khoa học hình sự Tổng cục cảnh sát - Bộ công an kết luận: Mẫu ghi thu dịch âm đạo của Vũ M có tinh trùng người và là tinh trùng của Đặng Văn Q.

Tại bản cáo trạng số 68/KSĐT - HS ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Đặng Văn Q về tội: “Giao cầu với trẻ em” theo quy định tại khoản 1 Điều 115 của Bộ luật hình sự.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí giữ nguyên quan điểm như bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: khoản 1 Điều 115, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Q từ 15 đến 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt 30/4/2017.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: áp dụng khoản 2 Điều 42 Bộ luật hình sự, Điều 592 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Q có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại với số tiền từ 12 đến 13 triệu đồng.

Về xử lý vật chứng: căn cứ điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 2 Điều 41 Bộ luật hình sự đề nghị trả lại cho anh Vũ Đắc T 01 chiếc điện thoại sam sung (máy cảm ứng đã qua sử dụng) màu trắng - vàng số sim 01259xxxx; trả lại cho bị cáo Đặng Văn Q 01 Chiếc điện thoại di động hiệu Sam Sung (máy cảm ứng đã qua sử dụng) màu đồng có số IMEI 353002/07/386153/5, IMEI: 353003/07/386153/3; 01 Căn cước công dân số 022095xxxxxxx cấp ngày 27/02/2017 do Cục trưởng cục cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư mang tên Đặng Văn Q và 01 giấy phép lái xe số 330135xxxxxx mang tên Đặng Văn Q cấp ngày 13/8/2013.

*Người bào chữa cho bị cáo Đặng Văn Q đề nghị HĐXX áp dụng điểm b, d, h, p khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự cho bị cáo Đặng Văn Q được hưởng mức án treo.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Người bào chữa cho bị cáo Q đồng ý với mức đề nghị về trách nhiệm bồi thường dân sự của đại diện Viện kiểm sát.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, và người làm chứng.

XÉT THẤY

Tại quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo Đặng Văn Q khai nhận khoảng tháng 6/2016, Q có quen biết Vũ M, sinh 17/7/2002 ở thị xã Quảng Yên, hai bên nảy sinh tình cảm với nhau, hai bên gia đình đều biết tuy nhiên bà Nguyễn Thị L là bà nội của bị hại ngăn cấm vì bị hại chưa đến tuổi. Khoảng 14 giờ ngày 29/4/2017, qua mạng xã hội Facebook Bị hại có nhắn tin rủ Q xuống Uông Bí chơi, Q đồng ý. Khoảng 22 giờ cùng ngày Q điều khiển xe Honda click màu trắng, BKS 24B1- 275.xx xuống thành phố Uông Bí gặp Bị hại. Bị hại đã thuê phòng nghỉ 401, nhà nghỉ K thuộc phường T, TP Uông Bí và cả hai cùng đi đến nhà nghỉ. Khi vào trong nhà nghỉ Q và Bị hại có quan hệ tình dục với nhau. Đến khoảng 0 giờ 30 phút ngày 30/4/2017 Công an thành phố Uông Bí kiểm tra nhà nghỉ “K” phát hiện Bị hại và Q đang ở trong phòng nghỉ 401. Công an yêu cầu Bị hại và Q xuất trình giấy tờ tùy thân nhưng Bị hại không cung cấp được nên Công an yêu cầu Q và Bị hại về trụ sở Công an thành phố Uông Bí làm việc.

Người bị hại cháu Vũ M, đại diện của người bị hại là bà L và anh T có lời khai phù hợp với bị cáo Q về thời gian địa điểm Q và Bị hại ở Nhà nghỉ và Q có quan hệ tình dục với Bị hại.

Như vậy thấy rằng lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại là cháu Vũ M, phù hợp với lời khai của những người làm chứng có lời khai tại cơ quan điều tra là chị Nguyễn Thị H, ông Trần Trọng B, của những người liên quan là anh Vũ Đắc T và bà Lê Thị H. Ngoài ra lời khai nhận tội của bị cáo còn phù hợp với: Biên bản khám nghiệm hiện trường lập hồi 10 giờ 10 phút ngày 30/4/2017, bản ảnh hiện trường, bản ảnh về việc thu ảnh tại máy điện thoại của Đặng Văn Q, bản ảnh về việc thu ảnh tại máy điện thoại của anh Vũ Đắc T, bản ảnh tang vật, vật chứng của vụ án của do cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Uông Bí lập.

HDXX nhận thấy đủ cơ sở để kết luận: khoảng 24 giờ ngày 29/4/2017, tại phòng 401 nhà nghỉ “K” thuộc tổ 6, khu 1, phường T, thành phố Uông Bí, Đặng Văn Q đã giao cấu với cháu Vũ M sinh ngày 17/7/2002 (14 tuổi 9 tháng) thì bị Công an thành phố Uông Bí kiểm tra bắt giữ. Hành vi thực hiện tội phạm nêu trên của Đặng Văn Q đã phạm vào tội “Giao cấu với trẻ em” theo quy định tại khoản 1 Điều 115 Bộ luật hình sự như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí đã truy tố là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi thực hiện tội phạm của bị cáo Q là nguy hiểm cho xã hội vì hành vi đó đã xâm phạm đến sự phát triển bình thường về thể chất và tâm sinh lý của người chưa thành niên.

Đặng Văn Q là người đã trưởng thành, có nhận thức để đánh giá, nhìn nhận được việc làm của mình. Bị cáo đã thực hiện hành vi giao cấu với cháu Bị hại trong khi cháu Bị hại chưa đủ tuổi làm ảnh hưởng đến tâm sinh lý cũng như việc học hành và tương lai của cháu Bị hại, gây dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân.

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi bị bắt, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo Q có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, người bị hại có đơn

xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Q nên HĐXX áp dụng quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Hội đồng xét xử thấy cần thiết xử phạt mức án tương xứng với hành vi của bị cáo gây ra, cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Về xử lý vật chứng của vụ án:

01 Chiếc điện thoại di động hiệu Sam Sung (máy cảm ứng đã qua sử dụng) màu trắng-vàng số sim 012590xxxxx là tài sản hợp pháp của anh Vũ Đức T; 01 Chiếc điện thoại di động hiệu Sam Sung (máy cảm ứng đã qua sử dụng) màu đồng có số IMEI 353002/07/386153/5, IMEI: 353003/07/386153/3 là tài sản hợp pháp của bị cáo Q nên trả lại cho anh T và bị cáo Q là phù hợp với quy định của pháp luật.

01 Căn cước công dân số 02209500xxxxx cấp ngày 27/02/2017 do Cục trưởng cục cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư mang tên Đặng Văn Q; 01 giấy phép lái xe số 33013501xxxxx mang tên Đặng Văn Q cấp ngày 13/8/2013 là tài sản hợp pháp của bị cáo nên trả lại cho bị cáo là phù hợp.

01 Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda click, màu trắng, gắn biển kiểm soát 34B1- 275.xx cơ quan điều tra đã trả cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Lê Thị Ánh H nên HĐXX không đề cập xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp cho bị hại có đơn yêu cầu bị cáo Q phải bồi thường cho cháu những khoản sau:

- Tiền bồi thường về sức khỏe: 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng)
- Tiền bồi thường tổn thất về tinh thần: 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Tổng số tiền yêu cầu bồi thường là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Xét yêu cầu bồi thường của đại diện hợp pháp của cháu Bị hại, HĐXX thấy:

Đối với yêu cầu bồi thường về thiệt hại sức khỏe thì HĐXX nhận thấy: Bị hại chưa đủ 16 tuổi nên chưa phát triển đầy đủ về tâm sinh lý và sức khỏe. Hành vi của bị cáo Q đã xâm phạm đến sự phát triển bình thường của cháu nên HĐXX chấp nhận mức bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho cháu là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Đối với yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng): Xét thấy sau khi Bị hại bị Q thực hiện hành vi giao cấu đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến tâm sinh lý của cháu. Đặc biệt hành vi của bị cáo Q gây tác hại đến sự phát triển đạo đức, nhân cách, ảnh hưởng đến danh dự, phẩm giá của cháu cả hiện tại và sau này nên theo quy định của pháp luật bị cáo Q phải bồi thường một khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho bị hại theo quy định tại Điều 592 Bộ luật dân sự. Xét mức tổn thất tinh thần của cháu, HĐXX chấp nhận mức bồi thường là tám tháng lương cơ sở $1.300.000đ \times 8 = 10.400.000đ$ (Mười triệu bốn trăm nghìn đồng).

Như vậy, bị cáo Q phải có trách nhiệm bồi thường cho cháu Vũ M 15.400.000đ (Mười lăm triệu bốn trăm nghìn đồng).

Về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Đặng Văn Q phạm tội: "Giao cầu với trẻ em".

Áp dụng: khoản 1 Điều 115; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Đặng Văn Q 12 (Mười hai) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, ngày 30 tháng 4 năm 2017.

Áp dụng: Điều 42 Bộ luật hình sự, Điều 584, khoản 1 Điều 585, Điều 586, Điều 590, khoản 2 Điều 592 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Đặng Văn Q phải bồi thường cho cháu Vũ M số tiền là 15.400.000đ (Mười lăm triệu bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng: khoản 2 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho anh Vũ Đức T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung (máy cảm ứng đã qua sử dụng) màu trắng - vàng số sim 012590xxxxx; Trả lại cho bị cáo Đặng Văn Q 01 chiếc điện thoại di động hiệu Sam Sung (máy cảm ứng đã qua sử dụng) màu đồng có số IMEI 353002/07/386153/5, IMEI: 353003/07/386153/3, 01 căn cước công dân số 02209500xxxx cấp ngày 27/02/2017 do Cục trưởng cục cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư mang tên Đặng Văn Q và 01 giấy phép lái xe số 3301350xxxxx mang tên Đặng Văn Q cấp ngày 13/8/2013 (tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/7/2017 giữa Công an thành phố Uông Bí và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh).

Áp dụng: khoản 1,2 Điều 99 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Đặng Văn Q phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 770.000đ (Bảy trăm bảy mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, người bị hại, đại diện hợp pháp của người bị hại là chị M, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh T báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 27 tháng 9 năm 2017.

Vắng mặt đại diện hợp pháp của người bị hại là anh T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà H báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu quy định thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát ND -TP Uông Bí;
- Công an TP Uông Bí;
- Chi cục THA DS TP Uông Bí;
- Bị cáo;
- Người bào chữa của bị cáo;
- Người bị hại.
- Đại diện hợp pháp của người bị hại.
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.
- Lưu hồ sơ vụ án, VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Hải